

Số: 187/ CTSV
Về việc kiểm tra thông tin
học tập của sinh viên

Cần Thơ, ngày 25 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

Căn cứ Điều 18 Quy định về Công tác học vụ, ban hành kèm theo Quyết định số: 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ và kết quả học tập học kỳ 1, năm học 2025 – 2026 và học kỳ 2, năm học 2025 - 2026, Phòng Công tác Sinh viên xin gửi đến đơn vị Danh sách sinh viên dự kiến như sau:

1. Danh sách 1 - Sinh viên không đóng học phí 02 học kỳ:

Sinh viên không đóng học phí trong học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 và học kỳ 2, năm học 2025 - 2026. Trường hợp sinh viên nếu có nguyện vọng học tiếp phải liên hệ Phòng Kế hoạch và Tài chính để đóng học phí nợ đến **hết ngày 08/6/2026;**

2. Danh sách 2 - Sinh viên không đăng ký học tập 02 học kỳ chính liên tiếp:

Sinh viên đã không đăng ký môn học hai học kỳ chính liên tiếp (học kỳ 2, năm học 2025 – 2026 và học kỳ 3, năm học 2025 – 2026). Sinh viên trong danh sách nếu có nguyện vọng học tiếp phải liên hệ trình bày lý do tự ý nghỉ học trong thời gian vừa qua tại Trường/Khoa/Viện quản lý **trước ngày 08/6/2026** để Nhà trường xem xét;

3. Danh sách 3 - Sinh viên sắp hết thời gian tối đa đào tạo:

Sinh viên sắp hết thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo tính đến hết năm học 2025 - 2026.

4. Danh sách 4 - Sinh viên sắp hết thời gian tối đa đào tạo:

Sinh viên sắp hết thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo tính đến hết năm học 2026 - 2027.

5. Danh sách 5 - Sinh viên sắp hết thời gian tối đa đào tạo:

Sinh viên sắp hết thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo tính đến hết năm học 2027 - 2028.

6. Danh sách 6 - Sinh viên bị cảnh báo học tập:

- **Điểm trung bình học kỳ** <1,00: áp dụng đối với sinh viên các khóa;
- Riêng Sinh viên khóa 47 về sau thêm 02 điều kiện:

* **Số tín chỉ** đạt trong HK < 50% số tín chỉ đăng ký hoặc số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa >24TC

* **Điểm trung bình tích lũy:** theo trình độ năm học:

Xếp trình độ năm học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy bị CBHV
Năm thứ 1	< 36	< 1,20
Năm thứ 2	Từ 36 đến 70	< 1,40
Năm thứ 3	Từ 71 đến 105	< 1,60
Năm thứ 4	>106	< 1,80

7. Danh sách 7 - Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học:

Sinh viên thuộc danh sách trên nếu có nguyện vọng tiếp tục học ở trình độ đào tạo thấp hơn, đề nghị làm thủ tục chuyển Trường (hoặc chuyển hệ đào tạo) **đến hết ngày 08/6/2026;**

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị, Cố vấn học tập quan tâm triển khai, có biện pháp đôn đốc nhắc nhở sinh viên học tập để hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời gian quy định (*Danh sách 3, 4, 5, 6*); rà soát kiểm tra lại thông tin (*Danh sách 1, 2, 7*); các thông tin liên quan xin phản hồi về Phòng Công tác Sinh viên bằng văn bản hạn cuối là ngày 08/6/2026.

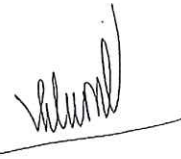
Sau thời gian nêu trên, Phòng Công tác Sinh viên sẽ lập quyết định trình Ban Giám hiệu xóa tên sinh viên thuộc **Danh sách 1, 2, 7**.

Kính chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.CTSV.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh Tường

Danh sách 01**DANH SÁCH SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ HAI HỌC KỲ CHÍNH LIÊN TIẾP****Học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 và Học kỳ 2, năm học 2025 - 2026**

(Đính kèm theo công văn 187/CTSV, ngày 22 tháng 5 năm 2026)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
1	B2102085	Nguyễn Trung Nhân	DA2166A1	DA	
2	B2102404	Trần Như Ý	DA2166T1	DA	
3	B2202367	Tô Hoàng Trọng	DA2266T2	DA	
4	B2202368	Võ Khả Tú	DA2266T2	DA	
5	B2300122	Nguyễn Kiến Vy	DA2308A1	DA	
6	B2300147	Trần Quốc Khánh	DA2308A2	DA	
7	B2300233	Hồ Nguyễn Quỳnh Hương	DA2308F1	DA	
8	B2300269	Phan Thị Phương Thảo	DA2308F1	DA	
9	B2300260	Trần Trọng Phú	DA2308F2	DA	
10	B2400143	Trần Thị Phương Thanh	DA2408A2	DA	
11	B2400273	Hồng Chanh Tha Rinh	DA2408A3	DA	
12	B2400279	Mai Quốc Thắng	DA2408A4	DA	
13	B2400294	Nguyễn Hoàng Phước Tín	DA2408A4	DA	
14	B2400546	Nguyễn Kiều Tiên	DA2408F2	DA	
15	B2400501	Nguyễn Huỳnh Mỹ Xuyên	DA2408F3	DA	
16	B2403224	Trần Thị Kiều Vân	DA2466A1	DA	
17	B2403280	Huỳnh Trí Thanh	DA2466A2	DA	
18	B2403286	Thạch Thị Mỹ Thùy	DA2466A2	DA	
19	B2403373	Hà Gia Tuệ	DA2466A3	DA	
20	B2403446	Trần Thành Trung	DA2466A4	DA	
21	B2403482	Võ Thanh Kim Ngân	DA2466T1	DA	
22	B2403491	Lê Trần Khả Quỳnh	DA2466T1	DA	
23	B2403457	Lê Thanh An	DA2466T2	DA	
24	B2403460	Trương Quỳnh Anh	DA2466T2	DA	
25	B1900471	Đặng Gia Hưng	NN1908A3	DA	
26	B2200082	Huỳnh Thị Thanh Nga	NN2208A1	DA	
27	B2200096	Nguyễn Thành Phong	NN2208A1	DA	
28	B2200126	Hồ Nhật Trường	NN2208A1	DA	
29	B2200159	Sơn Mạnh Huỳnh	NN2208A2	DA	
30	B2200201	Bùi Thị Ngọc Thúy	NN2208A2	DA	
31	B2200239	Lý Ngọc Hân	NN2208F1	DA	
32	B2205177	Nguyễn Nhật Duy	NN22U5A1	DA	
33	B1910702	Nguyễn Đình Thanh	DI19V7F3	DI	
34	B2003809	Nguyễn Phước Thọ	DI2095A2	DI	
35	B2012033	Trần Nguyễn Hoàng Nguyên	DI2095A2	DI	
36	B2004727	Nguyễn Minh Kha	DI20T9A1	DI	
37	B2004770	Trương Phong Gia Bảo	DI20T9A2	DI	
38	B2014771	Lê Tấn Khang Ninh	DI20V7A3	DI	
39	B2014924	Thạch Quang Khải	DI20V7F1	DI	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
175	B2401590	Nguyễn Tấn Quốc	KT2422A1	KT	
176	B2401827	Bùi Thiên Phú	KT2422F1	KT	
177	B2401905	Lê Thị Ngọc Hân	KT2423A1	KT	
178	B2401908	Nguyễn Huỳnh Hoa	KT2423A1	KT	
179	B2401922	Trương Gia Mẫn	KT2423A1	KT	
180	B2404739	Lê Mã Quỳnh Mai	KT2490A2	KT	
181	B2409300	Nguyễn Phúc Duy	KT24W2A1	KT	
182	B2409308	Đặng Hoàng Huy	KT24W2A1	KT	
183	B2409347	Nguyễn Trường Tiểu Vân	KT24W2A1	KT	
184	B2409365	Huỳnh Ngọc Hân	KT24W2A2	KT	
185	B2409443	Nguyễn Lê Hồng Quỳnh	KT24W2F1	KT	
186	B2409726	Phạm Lê Minh Hằng	KT24W4F3	KT	
187	B2301956	Phan Nguyễn Thị Kim Chúc	HG2363A1	LK	Cô Mai Hân
188	B2302022	Nguyễn Anh Thư	HG2363A1	LK	Cô Mai Hân
189	B2403072	Lê Thị Lài	HG2463A1	LK	Thần Khôi
190	B2403084	Phan Trung Nhân	HG2463A1	LK	Thần Khôi
191	B1912133	Lê Đức Anh	LK1964A9	LK	Cô Thủy
192	B2013639	Mai Hoàng Tấn	LK2063A9	LK	Cô Thủy
193	B2013616	Lê Hữu Lợi	LK2065A9	LK	Cô Thủy
194	B2201726	Phạm Hữu Luân	LK2263A1	LK	Thần Thăng
195	B2301909	Huỳnh Phúc Lộc	LK2363A1	LK	Thần Hoàng
196	B2301804	Phạm Quốc Nhân	LK2365A1	LK	Thần Hùng
197	B2301969	Phạm Ngọc Ngân Hiếu	LK2365A2	LK	Cô Bích
198	B2304830	Phạm Minh Lý	LK23S9A1	LK	Cô Bảo Trâm
199	B2304857	Nguyễn Ngọc Anh Thư	LK23S9A1	LK	Cô Bảo Trâm
200	B2402448	Võ Hoàng Vũ	LK2463A1	LK	Thần Thục
201	B2402459	Lê Trần Thanh Bảo	LK2465A2	LK	Thần Hùng
202	B2402506	Lê Huỳnh Thu Thảo	LK2465A2	LK	Thần Hùng
203	B2406569	Đinh Thị Huyền Trân	LK24S9A1	LK	Cô Thuận
204	B1902610	Nguyễn Hà Phương	MT1925A1	MT	
205	B2010041	Võ Ngọc Phương	MT2038A1	MT	
206	B2101963	Võ Minh Hoàng	MT2157A1	MT	
207	B2109069	Nguyễn Khánh Hưng	MT2157A1	MT	
208	B2201403	Hồ Thị Bích An	MT2225A1	MT	
209	B2201460	Nguyễn Hoàng Tấn	MT2225A1	MT	
210	B2201528	Ngô Nhật Phóng	MT2225A2	MT	
211	B2207169	Nguyễn Phước Khang	MT22X7A2	MT	
212	B2301689	Âu Triệu Thiên Vy	MT2325A1	MT	
213	B2301742	Lê Yến Nhi	MT2325A2	MT	
214	B2302050	Đặng Hoàng Đệ	MT2338A1	MT	
215	B2302054	Châu Huỳnh Gia Hưng	MT2338A1	MT	
216	B2302421	Nguyễn Ái Tiên	MT2357A1	MT	
217	B2304198	Phan Gia Bảo	MT23D4A1	MT	
218	B2304210	Nguyễn Sơn Hà	MT23D4A1	MT	
219	B2304217	Lê Hoàng Huy	MT23D4A1	MT	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
445	B2405995	Nguyễn Thị Ngọc Thuyền	HG24N2A1	XH	
446	B1908505	Trương Văn Nghĩa	ML19U3A1	XH	
447	B2016410	Trần Hữu Đan	ML20X4A2	XH	
448	B2205083	Trương Thị Mỹ Xuyên	ML22U3A1	XH	
449	B2206089	Phan Thị Bảo Chân	ML22V9A1	XH	
450	B2305705	Đinh Hoàng Phúc	ML23U3A1	XH	
451	B2305713	Nguyễn Phúc Thịnh	ML23U3A1	XH	
452	B2305720	Nguyễn Lê Hoàng Tú	ML23U3A1	XH	
453	B2407380	Phan Trần Ngọc Hiếu	ML24U3A1	XH	
454	B2407771	Võ Thị Ngọc Hân	ML24U3A2	XH	
455	B2409102	Nguyễn Hoàng Đệ	ML24V9A1	XH	
456	B2409126	Ngô Thị Trúc Quỳnh	ML24V9A1	XH	
457	B2111134	Nguyễn Huyền Trân	XH21U4A1	XH	
458	B2206619	Thạch Thị Mỹ Ngà	XH22W7A1	XH	
459	B2303199	Dương Thị Quỳnh Giao	XH2380A1	XH	
460	B2303230	Phùng Ngọc Minh Thư	XH2380A1	XH	
461	B2307303	Võ Thanh Hương	XH23W7A1	XH	
462	B2307340	Mai Gia Hân	XH23W7A2	XH	
463	B2307351	Trần Thu Ngân	XH23W7A2	XH	
464	B2307402	Đỗ Văn Quyển	XH23W8A1	XH	
465	B2307404	Trần Quốc Thanh	XH23W8A1	XH	
466	B2307425	Đặng Thị Kim Cương	XH23W8A2	XH	
467	B2307446	Nguyễn Quốc Nhiều	XH23W8A2	XH	
468	B2307450	Huỳnh Ngọc Như Quỳnh	XH23W8A2	XH	
469	B2307461	Trần Thanh Tuấn	XH23W8A2	XH	
470	B2405938	Nguyễn Thanh Nhã	XH24N2A1	XH	
471	B2405941	Nguyễn Thị Thảo Nhi	XH24N2A1	XH	
472	B2409850	Văn Hoàng Thái	XH24W7A1	XH	

Tổng số trong danh sách có **472** sinh viên

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN
KHÔNG ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN HAI HỌC KỲ CHÍNH LIÊN TIẾP
Học kỳ 2, năm học 2025 - 2026 và Học kỳ 3, năm học 2025 - 2026
(Đính kèm theo công văn 187/CTSV, ngày 22 tháng 5 năm 2026)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
1	B1405026	Trần Minh Đoàn	NN1408A1	DA	
2	B1704722	Phạm Hải Đăng	DI1796A1	DI	
3	B1704739	Phan Văn Khải	DI1796A1	DI	
4	B1705140	Quách Chí Nguyên	TN17T2A2	TN	
5	B1706980	Trần Hải Đăng	DI17V7F2	DI	
6	B1709121	La Chí Tông	TN17Y6A2	TN	
7	B1709391	Nguyễn Đình Nhật Duy	TN17Z5A1	TN	
8	B1800641	Vũ Thị Thu Trang	SP1809A1	SP	
9	B1801104	Phạm Văn An	NN1819A1	NN	
10	B1802274	Lương Bảo Ngọc	MT1825A1	MT	
11	B1802280	Châu Uyên Nhi	MT1825A1	MT	
12	B1802497	Nguyễn Anh Tuấn	LK1864A1	LK	Thiên Sơn
13	B1804040	Nguyễn Ngọc Tâm	DA1866T1	DA	
14	B1804102	Trần Hoàng Minh	NN1867A3	NN	
15	B1804328	Hồ Anh Dũng	KH1869A1	KH	
16	B1806261	Nguyễn Nhật Khoa	TN18S3A1	TN	
17	B1806381	Nguyễn Tấn Tài	TN18S3A2	TN	
18	B1806591	Trần Huệ Trinh	KH18T3A1	KH	
19	B1807646	Huỳnh Phú Lộc	DI18T9A2	DI	
20	B1807692	Nguyễn Quốc Ân	KH18U1A1	KH	
21	B1808872	Bùi Hoàng Phúc	KT18V5A2	KT	
22	B1809694	Phạm Nhật Huy	DI18V7F2	DI	
23	B1810038	Võ Minh Thuận	KT18W1A1	KT	
24	B1810586	Vương Biện Châu Anh	KT18W4A2	KT	
25	B1810809	Đỗ Nhật Minh	XH18W7A1	XH	
26	B1812649	Phạm Nhi Linh	KH1894A1	KH	
27	B1812854	Trương Quốc Khánh	NN18V8A1	NN	
28	B1812864	Nguyễn Thị Cẩm Tú	NN18V8A1	NN	
29	B1900072	Nguyễn Thị Yến Nhi	LK1964A1	LK	
30	B1900298	Quách Thị Thu Thảo	NN1908A2	DA	
31	B1900621	Mai Thanh Toàn	NN1908A5	DA	
32	B1900680	Nguyễn Mai Thiên Bảo	NN1908A2	DA	
33	B1901085	Nguyễn Hoàng Tiến Tài	TS1913A1	TS	
34	B1901199	Dương Văn Lượng	TS1913A2	TS	
35	B1901854	Trần Bảo Phúc	KT1921F1	KT	
36	B1902213	Phạm Thị Thùy Trang	HG1922A2	KT	
37	B1902273	Kha Đình Nghi	KT1923A1	KT	
38	B1903396	Trương Khánh Duy	TN19S5A1	TN	
39	B1903479	Nguyễn Trọng Nguyễn	TN19S5A4	TN	
40	B1903530	Đỗ Trung Thật	TN1984A1	TN	
41	B1903705	Nguyễn Phương	DI19V7F3	DI	
42	B1903862	Bùi Thiên Lý	TN1984A1	TN	

	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
	B1904358	Huỳnh Vĩnh Thái	DA1966T1	DA	
44	B1904391	Nguyễn Lê Trung Tín	DA1966A5	DA	
45	B1904595	Nguyễn Nhật Tân	DA1966A4	DA	
46	B1904846	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	NN1967A2	NN	
47	B1906144	Trương Nguyễn Như Phương	KT1990A1	KT	
48	B1906715	Hồ Nhật Minh	DI1996A4	DI	
49	B1906821	Huỳnh Hoàng Hải Đăng	NN19S1A1	NN	
50	B1906886	Lê Quang Khâm	NN19S1A2	NN	
51	B1906985	Đặng Quốc Anh	TN19S3A1	TN	
52	B1907243	Đặng Hữu Nghĩa	TN19T1A1	TN	
53	B1907371	Lâm Ngọc Bửu Trâm	KH19T3A2	KH	
54	B1907473	Nguyễn Duy Khánh	TN19T5A1	TN	
55	B1907668	Nguyễn Tấn Thái	TN19T5A3	TN	
56	B1908342	Võ Trọng Nghĩa	DI19T9A1	DI	
57	B1908380	Trần Trọng Chiến	DI19T9A2	DI	
58	B1908382	Đặng Hữu Đình Duy	DI19T9A2	DI	
59	B1908384	Nguyễn Thị Lan Đài	DI19T9A2	DI	
60	B1908408	Nguyễn Nhật Quang	DI19T9A2	DI	
61	B1908466	Phan Trần Anh Thy	KH19U1A1	KH	
62	B1909418	Lương Minh Nhựt	FL19V1F2	FL	
63	B1909889	Bành Anh Duy	DI19V7A1	DI	
64	B1910302	Nguyễn Ngọc Thịnh	DI19V7A7	DI	
65	B1910493	Trương Hoàng Anh	HG19V7A1	DI	
66	B1910644	Lê Triều Huy	DI19V7F3	DI	
67	B1910661	Nguyễn Vỹ Kỳ	DI19V7F3	DI	
68	B1910689	Trần Hữu Phương	DI19V7F2	DI	
69	B1910705	Lê Hoàng Thành	DI19V7F1	DI	
70	B1910731	Lê Hải Yến	DI19V7F2	DI	
71	B1910761	Trịnh Ngọc Quý	NN19V8A1	NN	
72	B1911087	Ngô Tấn Lộc	KT19W2A1	KT	
73	B1911275	Nguyễn Thái Thanh Trúc	KT19W2A3	KT	
74	B1911325	Huỳnh Ngọc Nhi	KT19W3A1	KT	
75	B1911884	Bùi Như Ý	XH19W7A1	XH	
76	B1911914	Nguyễn Thị Tuyết Hương	XH19W7A2	XH	
77	B1911976	Phạm Ngọc Trân	XH19W7A2	XH	
78	B1912646	Nguyễn Thảo Anh	TN19T7A9	TN	Ngành 2
79	B2000030	Nguyễn Ngọc Ngân	KT2022A1	KT	
80	B2000718	Ngô Quốc Huy	TD20X6A1	SP	
81	B2000798	Nguyễn Thế Quốc Bảo	NN2008A2	DA	
82	B2000913	Nguyễn Ngọc Hương Anh	NN2008F1	DA	
83	B2001864	Dương Trọng Tính	MT2025A2	MT	
84	B2002148	Mạc Văn Thịnh	HG2063A2	LK	Tham gia
85	B2002400	Đặng Vĩnh Gia Thịnh	TN2084A1	TN	
86	B2002577	Huỳnh Thị Bé Thơ	DA2066A1	DA	
87	B2002657	Liêu Vĩnh Hào	DA2066A5	DA	
88	B2002671	Hồ Gia Khang	DA2066A5	DA	
89	B2002885	Sử Hồng Minh Quang	NN2067A1	NN	
90	B2003416	Nguyễn Hoàng Tường Anh	NN2008F1	DA	
91	B2003457	Tạ Minh Nhí	TS2082A2	TS	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
92	B2003812	Lê Minh Toàn	DI2095A2	DI	
93	B2004542	Lê Vương Tròn	TN20T6A2	TN	
94	B2004639	Nguyễn Tuấn Kiệt	TN20T7A5	TN	
95	B2004819	Nguyễn Bùi Bá Tường	DI20T9A2	DI	
96	B2004936	Thái Nguyên Nghiệp Khang	XH20U4A1	XH	
97	B2004953	Phạm Nguyễn Anh Thư	XH20U4A1	XH	
98	B2005021	Lê Thị Phi Thuỳên	NN20U5A1	DA	
99	B2005023	Nguyễn Anh Thư	NN20U5A1	DA	
100	B2005392	Kim Thị Thu Vân	FL20V1F5	FL	
101	B2005411	Tăng Bích Ngân	KT20V5A1	KT	
102	B2005496	Trần Tuấn Nam	TN20V6A1	TN	
103	B2005600	Nguyễn Trọng Nguyễn	TN20V6A3	TN	
104	B2005829	Dương Thanh Tuyền	HG20V7A1	DI	
105	B2006241	Tổng Hà Tiên	KT20W4A1	KT	
106	B2006445	Sơn Kha Duy	XH20W7A1	XH	
107	B2006678	Nguyễn Lan Anh	KT2021F1	KT	
108	B2006772	Mai Nguyễn Phương Thảo	MT20X7A1	MT	
109	B2006930	Nguyễn Vũ Linh	NN20X8A1	NN	
110	B2007247	Lê Phùng Bảo Luân	DI20Z6A3	DI	
111	B2007820	Trần Mẫn Nghi	NN2008A5	DA	
112	B2007856	Nguyễn Hà Trang	NN2008A2	DA	
113	B2007899	Dư Long Hồ	NN2008A6	DA	
114	B2007987	Đặng Toàn Thịnh	NN2008F1	DA	
115	B2007991	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	NN2008F1	DA	
116	B2008087	Phan Thanh Phường	SP2009A2	SP	
117	B2008828	Lê Thị Kim Cương	KT20W4A9	KT	Ngành 2
118	B2009005	Phạm Xuân Minh Thái	KT2021F2	KT	
119	B2009050	Nguyễn Hoàng Gia Linh	KT2022A1	KT	
120	B2009152	Nguyễn Hoàng Gia Tuệ	KT2022A2	KT	
121	B2009176	Trần Hoàng Trung Hiếu	HG2022A2	KT	
122	B2009295	Trần Lê Song Hiền	KT2023A2	KT	
123	B2009311	Trần Tấn Phú	KT2023A2	KT	
124	B2009314	Phan Thị Phú Quý	KT2023A2	KT	
125	B2009594	Nguyễn Thị Dung	LK2064A1	LK	Thầy Cán
126	B2009788	Phạm Trần Gia Mỹ	LK2065A1	LK	Thầy B22
127	B2010023	Bạch Ngọc Minh Tân	MT2038A1	MT	
128	B2010186	Lê Hoài Nam	TN2084A1	TN	
129	B2010403	Nguyễn Huỳnh Nhân	TN2084A1	TN	
130	B2010553	Nguyễn Thành Lộc	DA2066A1	DA	
131	B2010561	Nguyễn Thị Huỳnh Nga	DA2066A5	DA	
132	B2010596	Hồ Nhật Quang	DA2066A5	DA	
133	B2010651	Lê Thúy Vy	DA2066A5	DA	
134	B2010672	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	DA2066A4	DA	
135	B2010684	Phạm Thành Đạt	DA2066A4	DA	
136	B2010767	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	DA2066A4	DA	
137	B2010838	Trần Thị Hoài Thu	DA2066T1	DA	
138	B2011091	Huỳnh Ngọc Trân	KH2069A1	KH	
139	B2011197	Trần Trường Vũ	NN2073A1	NN	
140	B2011303	Nguyễn Phạm Họa My	TS2076A1	TS	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
239	B2105985	Trần Thị Thu Thảo	NN21U5A1	DA	
240	B2106075	Phạm Nguyễn Yến Oanh	XH21W7A2	XH	
241	B2106309	Trương Thị Thùy Linh	MT21X7A2	MT	
242	B2106391	Đặng Thị Quỳnh Hoa	NN21X8A1	NN	
243	B2106413	Trần Mộng Nghi	NN21X8A1	NN	
244	B2106421	Trương Mỹ Nhi	NN21X8A1	NN	
245	B2106423	Phạm Thành Nhựt	NN21S6A1	NN	
246	B2106450	Nguyễn Anh Việt	NN21X8A1	NN	
247	B2106480	Võ Hà Phúc Linh	NN21X8A1	NN	
248	B2106485	Nguyễn Thị Diễm My	NN21X8A1	NN	
249	B2106516	Ngô Minh Thư	NN21X8A1	NN	
250	B2106548	Phan Ngọc Như Quỳnh	NN21X9A1	NN	
251	B2106703	Dương Minh Tân	TN21Z5A1	TN	
252	B2106720	Luong Nhựt Anh	TN21Z5A2	TN	
253	B2106808	Bành Phú Quý	DI21Z6A1	DI	
254	B2106815	Nguyễn Quốc Thịnh	DI21Z6A1	DI	
255	B2106836	Lê Thị Bích Huyền	DI21Z6A2	DI	
256	B2106936	Lý Bảo Trâm	LK2164A1	LK	thần tiên
257	B2107027	Đỗ Nhựt Phi	SP2116A1	SP	
258	B2107048	Văng Thị Phước Tới	NN21X8A1	NN	
259	B2107158	Phạm Thị Kiều Mị	NN21U5A1	DA	
260	B2107187	Bùi Minh Quân	NN21V8A1	NN	
261	B2107203	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	NN21X8A1	NN	
262	B2107204	Nguyễn Hữu Phúc	NN21X8A1	NN	
263	B2107230	Nguyễn Khánh Duy	SP2101A1	SP	
264	B2107408	Huỳnh Ngọc Hân	NN2108A2	DA	
265	B2107473	Nguyễn Thị Thùy Dương	NN2108F2	DA	
266	B2107474	Nguyễn Võ Ngọc Giao	NN2108F1	DA	
267	B2107489	Huỳnh Thảo Ly	NN2108F1	DA	
268	B2107504	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	NN2108F1	DA	
269	B2107520	Nguyễn Thị Anh Thư	NN2108F2	DA	
270	B2107525	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trân	NN2108F1	DA	
271	B2107529	Lê Thanh Tường	NN2108F1	DA	
272	B2107530	Bùi Thị Kim Vàng	NN2108F2	DA	
273	B2107532	Bùi Võ Tường Vi	NN2108F1	DA	
274	B2107548	Nguyễn Trọng Kính	SP2109A1	SP	
275	B2107562	Nguyễn Hồng Anh	SP2110A1	SP	
276	B2107613	Huỳnh Ngọc Phương Uyên	XH21W7A9	XH	Ngành 2
277	B2107781	Đặng Anh Minh	TS2113T1	TS	
278	B2107805	Phạm Thị Phương Xuân	TS2113T1	TS	
279	B2107892	Sơn Huỳnh Cương	SP2117A1	SP	
280	B2107912	Nguyễn Thị Yến Nhi	SP2117A1	SP	
281	B2108056	Nguyễn Văn Lực	NN2119A1	NN	
282	B2108121	Nguyễn Duy Thanh	DI21V7F3	DI	
283	B2108219	Đinh Ngọc Lan Quyên	KT2121F2	KT	
284	B2108301	Trương Thụy Nhật Phương	FL21V1F3	FL	
285	B2108307	Nguyễn Huỳnh Minh Tiến	KT2122A2	KT	
286	B2108393	Nguyễn Thành Thắm	KT2123A1	KT	
287	B2108477	Huỳnh Thị Tú Trinh	MT2125A1	MT	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
288	B2108589	Nguyễn Thị Huyền Trân	XH21W8A1	XH	
289	B2108667	Lữ Lương Vĩ	LK2164A2	LK	Thần Sơn
290	B2108674	Nguyễn Mai Anh	LK2164A2	LK	
291	B2108768	Huỳnh Nguyệt Ngân	HG2163A1	LK	
292	B2108791	Đông Nhật An	MT2138A1	MT	
293	B2108812	Võ Ngọc Triều Phát	FL21V1A9	FL	Ngành 2
294	B2108844	Trần Gia Khiêm	KT2122A9	KT	Ngành 2
295	B2108863	Huỳnh Bảo Trâm	MT2138A2	MT	
296	B2109261	Nguyễn Lê Quang	DA2166T1	DA	
297	B2109373	Tô Nhật Minh	NN2167A2	NN	
298	B2109481	Trần Quốc Qui	NN21S4A1	NN	
299	B2109508	Phan Hữu Lộc	NN2173A1	NN	
300	B2109522	Trần Tấn Phát	NN2173A1	NN	
301	B2109543	Bùi Thị Tường Vy	NN2173A1	NN	
302	B2109544	Trương Thúy Vy	NN2173A1	NN	
303	B2109732	Sử Thụy Hải Lam	TS2182A2	TS	
304	B2109841	Phạm Chí Hiếu	KH2189A1	KH	
305	B2109935	Bùi Đoàn Yến Vy	KT2190A1	KT	
306	B2109954	Võ Ngọc Vân Khanh	KH2194A1	KH	
307	B2109979	Phan Thanh Phong	KH2194A1	KH	
308	B2110048	Lâm Tấn Lộc	DI2195A2	DI	
309	B2110093	Ha La Phin	DI2196A1	DI	
310	B2110112	Phạm Công Vĩ	DI2196A1	DI	
311	B2110125	Nguyễn Phúc Khang	DI2196A2	DI	
312	B2110151	Trần Bích Trâm	DI2196A2	DI	
313	B2110227	Lê Hoàng Tường	DI21V7A9	DI	Ngành 2
314	B2110289	Nguyễn Trí Thông	TN21S3A1	TN	
315	B2110378	Phạm Minh Thiện	KH21T3A1	KH	
316	B2110429	Nguyễn Phạm Ngọc Anh	TN21T4A1	TN	
317	B2110431	Phạm Nhật Anh	TN21T4A1	TN	
318	B2110438	Đái Cao Huy	TN21T4A1	TN	
319	B2110508	Nguyễn Hữu Tường	TN21T5A1	TN	
320	B2110510	Võ Huỳnh Anh Vũ	TN21T5A1	TN	
321	B2110605	Nguyễn Kha Minh Nhật	TN21T5F2	TN	
322	B2110608	Trần Triệu Phú	TN21T5F1	TN	
323	B2110610	Huỳnh Thanh Quang	TN21T5F1	TN	
324	B2110612	Đào Minh Quốc	TN21T5F1	TN	
325	B2110638	Trương Nhật Duy	TN21T6A1	TN	
326	B2110676	Nguyễn Phúc Vĩ Khang	TN21Y8A9	TN	Ngành 2
327	B2110720	Lý Tuấn Kiệt	TN21T1A9	TN	Ngành 2
328	B2110815	Trần Khánh Duy	TN21T7F1	TN	
329	B2110908	Trần Tuệ Mẫn	TN21V6F1	TN	
330	B2110922	Lê Thành Thắng	TN21T8A1	TN	
331	B2110933	Trác Nhất Anh	DI21T9A1	DI	
332	B2110939	Ngô Thị Như Huyền	DI21T9A1	DI	
333	B2111015	Lâm Tấn Phát	KH21U1A1	KH	
334	B2111041	Phạm Thị Vân Anh	ML21U3A1	XH	
335	B2111042	Đoàn Thế Bảo	ML21U3A1	XH	
336	B2111137	Lê Ngọc Thanh Tuyền	XH21U4A1	XH	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
386	B2112599	Lâm Thị Gia Hân	XH21W8A2	XH	
387	B2112850	Nguyễn Huỳnh Mai	FL21X1A9	FL	Ngành 2
388	B2112876	Huỳnh Tú Văn	SP21X3A2	SP	
389	B2112959	Hồ Thị Nhựt Huyền	TD21X6A1	SP	
390	B2113027	Trịnh Hữu Nghĩa	MT21X7A2	MT	
391	B2113049	Đỗ Thành An	NN21X8A1	NN	
392	B2113068	Trần Chánh Nam	DA2166T1	DA	
393	B2113111	Nguyễn Hồng My	NN21X8A1	NN	
394	B2113114	Trần Nhựt Nam	NN21X8A1	NN	
395	B2113116	Hồ Phương Ngọc	NN21X8A1	NN	
396	B2113147	Lê Ngọc Hòa	NN21X9A1	NN	
397	B2113199	Đình Gia Qui	TN21Y8A1	TN	
398	B2113240	Trương Hữu Tới	TN21Y8A2	TN	
399	B2113282	Võ Nguyên Khánh	TN21Z5A2	TN	
400	B2113304	Trần Quý Anh	DI21Z6A1	DI	
401	B2113306	Kim Khánh Đăng	DI21Z6A1	DI	
402	B2113310	Phạm Nhật Huy	DI21T9A1	DI	
403	B2113323	Phan Lê Bảo Trân	DI21Z6A1	DI	
404	B2113329	Nguyễn Hoàng Điền	DI21Z6A2	DI	
405	B2113336	Nguyễn Phúc Kỳ	DI21Z6A2	DI	
406	B2113398	Trương Việt Hưng	TN21T6A2	TN	
407	B2200783	Lê Thị Huỳnh Mai	KT2220A1	KT	
408	B2200861	Nguyễn Thị Thu Minh	KT2221A1	KT	
409	B2200862	Quách Thoại Mỹ	KT2221A1	KT	
410	B2200874	Nguyễn Phước Đăng Quang	KT2221A1	KT	
411	B2200883	Trần Phạm Minh Thư	KT2221A1	KT	
412	B2201045	Nguyễn Hoàng Huy	KT2222A2	KT	
413	B2201047	Trần Thị Kim Huyền	KT2222A2	KT	
414	B2201232	Đặng Hữu Hiếu	KT2221A9	KT	Ngành 2
415	B2201249	Lương Thị Kim Ngân	KT2223A1	KT	
416	B2201254	Trần Nguyên Bảo Ngọc	KT2223A1	KT	
417	B2201377	Hồ Thị Kim Ngân	HG2223A1	KT	
418	B2201401	Nguyễn Như Ý	HG2223A1	KT	
419	B2201564	Đặng Nguyễn Bảo Duy	LK2264A1	LK	Có liên
420	B2201636	Huỳnh Thị Thúy Duy	LK2264A1	LK	Có liên
421	B2201808	Nguyễn Thị Bích Thảo	HG2263A1	LK	Có liên
422	B2201811	Nguyễn Minh Thư	HG2263A1	LK	Có liên
423	B2201817	Trần Ngọc Trân	HG2263A1	LK	Có liên
424	B2201915	Nguyễn Thị Thúy Anh	KT2245A1	KT	
425	B2201917	Phùng Kim Ái	KT2245A1	KT	
426	B2201937	Nguyễn Quốc Huy	KT2245A1	KT	
427	B2201950	Đỗ Như Minh	KT2245A1	KT	
428	B2201959	Đặng Trọng Nghĩa	KT2245A1	KT	
429	B2201971	Lưu Hoàng Phúc	KT2245A1	KT	
430	B2201991	Nguyễn Văn Tùng	KT2245A1	KT	
431	B2202269	Lương Tuyết Băng	DA2266A2	DA	
432	B2202272	Phạm Duy	DA2266A2	DA	
433	B2202273	Võ Thị Dy	DA2266A2	DA	
434	B2202278	Lưu Phúc Khang	DA2266A2	DA	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
533	B2206671	Nguyễn Thanh Phong	XH22W7A2	XH	
534	B2206686	Mai Thị Hồng Yên	XH22W7A2	XH	
535	B2206692	Lâm Thị Cúc	XH22W8A1	XH	
536	B2206719	Nguyễn Lê Minh Thiên	XH22W8A1	XH	
537	B2206745	Phan Hoài Khiêm	XH22W8A2	XH	
538	B2206781	Nghị Bảo Duy	HG22W8A1	XH	
539	B2206839	Nguyễn Ngọc Văn Khoa	FL22X1A1	FL	
540	B2207214	Biện Thị Huỳnh Giao	NN22X8A1	NN	
541	B2207216	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	NN22X8A1	NN	
542	B2207237	Võ Thị Như Quỳnh	NN22S6A1	NN	
543	B2207240	Đào Hoàng Thông	NN22X8A1	NN	
544	B2207241	Đoàn Đặng Minh Thư	NN22X8A1	NN	
545	B2207254	Trần Vĩnh Anh	NN22S6A1	NN	
546	B2207258	Nguyễn Khánh Duy	NN22X8A1	NN	
547	B2207272	Nguyễn Thành Lợi	NN22S6A1	NN	
548	B2207275	Bùi Thị Phương Ngân	NN22S6A1	NN	
549	B2207291	Nguyễn Trung Tính	NN22X8A1	NN	
550	B2207298	Nguyễn Dương Bảo Xuyên	NN22S6A1	NN	
551	B2300657	Trần Quỳnh Anh	TS2313A4	TS	
552	B2301026	Trịnh Tấn Phương	KT2321A1	KT	
553	B2301064	Nguyễn Minh Duyên	KT2321F1	KT	
554	B2301223	Lê Triệu Giáng Sinh	KT2322A2	KT	
555	B2301817	Nguyễn Thị Anh Thư	LK2363A1	LK	Thần Vương
556	B2302605	Lê Tấn Tài	DA2366T1	DA	
557	B2302779	Nguyễn Thị Nhi	KH2369A1	KH	
558	B2303792	Lê Hoàng Uyên	DI2395A1	DI	
559	B2304387	Huỳnh Đăng Khôi	NN23S1A1	NN	
560	B2306074	Nguyễn Minh Nhật	FL23V1A1	FL	
561	B2306531	Nguyễn Thị Ngọc Hân	DI23V7A1	DI	
562	B2306746	Lê Phương Cát Tường	NN23V8A1	NN	
563	B2308025	Nguyễn Tường Duy	NN23X8A1	NN	
564	B2308027	Nguyễn Thùy Dương	NN23X8A1	NN	
565	B2308452	Đặng Thị Trúc Mai	KH23U1A1	KH	
566	B2400149	Đặng Hoàng Huế Thơ	DA2408A1	DA	
567	B2400905	Trương Quốc Trí	TS2413A4	TS	
568	B2401097	Bùi Thị Kim Khoa	NN2419A1	NN	
569	B2401101	Phan Ngọc Long	NN2419A1	NN	
570	B2401989	Danh Chúc Anh	KT2423A2	KT	
571	B2402040	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	KT2423A2	KT	
572	B2402763	Hồ Lan Vy	MT2438A2	MT	
573	B2402904	Nguyễn Minh Huy	TN2484A1	TN	
574	B2403796	Phạm Thị Như Ý	KH2469A1	KH	
575	B2404263	Nguyễn Thị Phương Anh	XH2480A1	XH	
576	B2404550	Liên Hiệp Quốc	TN2483A1	TN	
577	B2405360	Đặng Quang Minh	TN24B3A2	TN	
578	B2405905	Phạm Thị Cẩm Tú	XH24N1A1	XH	
579	B2405983	Nguyễn Ngọc Ngân	HG24N2A1	XH	
580	B2406873	Trần Thanh Hậu	TN24T4A1	TN	
581	B2406931	Đoàn Quang Khải	TN24T5A1	TN	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
582	B2407272	Cao Lê Tân	TN24T7A2	TN	
583	B2407311	Nguyễn Ngọc Hưng	TN24T7A3	TN	
584	B2407316	Phạm Hồ Bảo Khánh	TN24T7A3	TN	
585	B2407356	Liêu Gia An	TN24T7F2	TN	
586	B2407510	Châu Đình Văn	TN24T8A1	TN	
587	B2407576	Nguyễn Phan Thiên Hà	DI24T9A2	DI	
588	B2407992	Nguyễn Phước Vinh	HG24U7A1	HG	
589	B2408256	Lâm Mỹ Hạnh	FL24V1A3	FL	
590	B2408289	Neàng Chanh Thi	FL24V1A3	FL	
591	B2408389	Nguyễn Lê Minh	HG24V1A1	FL	
592	B2408420	Nguyễn Thị Ngọc Trân	HG24V1A1	FL	
593	B2408682	Phạm Thị Thu Hồng	TN24V6A2	TN	
594	B2408734	Trần Lê Quang Hưng	TN24V6F1	TN	
595	B2409563	Thị Cẩm Tú	KT24W3A2	KT	
596	B2410300	Nguyễn Thiên Thảo	MT24X7A2	MT	
597	B2410310	Nguyễn Uyên Trang	MT24X7A2	MT	
598	B2410428	Phan Nguyễn Gia Huy	NN24S6A1	NN	
599	B2410515	Đặng Ngọc Bảo Thy	NN24X9A1	NN	
600	B2500993	Tô Nguyễn Yên Phương	SP2517A2	SP	
601	B2505376	Mai Hữu Tín	TN25B3A2	TN	
602	B2506163	Nguyễn Thị Kim Loan	SP25E4A1	SP	
603	B2507131	Nguyễn Thanh Lam	TN25S7A2	TN	
604	B2508015	Trương Thị Thu Thiệt	TN25T7A4	TN	
605	B2508567	Trần Khải Đăng	ML25U3A1	XH	
606	B2509016	Nguyễn Bảo Duy	FL25V1A2	FL	
607	B2509089	Nguyễn Thành Lộc	FL25V1A3	FL	
608	B2509774	Nguyễn Thị Như Ý	DI25V7A2	DI	
609	B2510041	Phan Thành Tiến	ML25V9A1	XH	
610	B2510194	Vương Nữ Thái Bình	KT25W2A1	KT	
611	B2511731	Phạm Thúy An	FL25Z9A1	FL	
612	B2511748	Phan Đông Khương	FL25Z9A1	FL	
613	B2511782	Phạm Quỳnh Anh	FL25Z9A2	FL	
614	C2100006	Trương Tấn Sang	DI21Y1A1	DI	
615	C2200019	Dương Thái Bảo	DI22T9A1	DI	
616	C2200021	Phạm Thị Thùy An	FL22V1L1	FL	
617	C2200029	Phạm Nghiệp Khả Duy	FL22V1L1	FL	
618	C2200140	Đoàn Minh Thái	NN2273A1	NN	
619	C2300028	Trần Ngọc Hân	KT2320A1	KT	
620	C2300163	Nguyễn Ngọc Quế Trân	KT2322L1	KT	

* Tổng số theo danh sách có 620 sinh viên

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Danh sách 05:**SINH VIÊN SẮP HẾT THỜI GIẠN TỐI ĐA ĐÀO TẠO****Tính đến hết năm học 2027 - 2028***(Đính kèm theo công văn 187/CTSV, ngày 22 tháng 5 năm 2026)*

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Năm đào tạo tối đa	Khóa học	Đơn vị	Thời gian dự kiến hết hạn học	Ghi chú
1	B1904358	Huỳnh Vĩnh Thái	DA1966T1	9	45	DA	Hết năm học 2027 - 2028	
2	B1704722	Phạm Hải Đăng	DI1796A1	11	43	DI	Hết năm học 2027 - 2028	Đi NVQS về
3	B1709540	Trần Trung Kiên	DI17Z6A1	11	43	DI	Hết năm học 2027 - 2028	Đi NVQS về
4	B1906352	Lương Thành Toàn	DI1995A1	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
5	B1906376	Huỳnh Tấn Hy	DI1995A2	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
6	B1906404	Huỳnh Lâm Đức Thịnh	DI1995A2	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
7	B1906446	Nguyễn Phước Dư	DI1996A1	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
8	B1906630	Hồ Quốc Bửu	DI1996A2	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
9	B1906498	Lê Minh Khoa	DI1996A3	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
10	B1906513	Thái Hải Long	DI1996A3	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
11	B1906522	Trần Phan Hoàng Minh	DI1996A3	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
12	B1906543	Nguyễn Thái Nhựt	DI1996A3	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	
13	B1906715	Hồ Nhựt Minh	DI1996A4	9	45	DI	Hết năm học 2027 - 2028	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Năm đào tạo tối đa	Khóa học	Đơn vị	Thời gian dự kiến hết hạn học	Ghi chú
46	B1901838	Nguyễn Trúc Huyền	KT1921F1	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
47	B1901854	Trần Bảo Phúc	KT1921F1	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
48	B1901861	Nguyễn Việt Thắng	KT1921F1	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
49	B1911754	Đình Minh Triết	KT19W4F1	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
50	B1911647	Lê Phạm Quang Huy	KT19W4F2	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
51	B1903991	Đoàn Gia Đại Phúc	KT19W4F4	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
52	B1911690	Trương Hiếu Nghi	KT19W4F4	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
53	B1911710	Đoàn Mai Nhã Phi	KT19W4F4	9	45	KT	Hết năm học 2027 - 2028	
54	S1800071	Diệp Bửu Lộc	LK1865L1	10	44	LK	Hết năm học 2027 - 2028	Thần Sơn Đi NVQS về
55	B1902610	Nguyễn Hà Phương	MT1925A1	9	45	MT	Hết năm học 2027 - 2028	
56	B1903224	Đình Thanh Duy	MT1938A1	9	45	MT	Hết năm học 2027 - 2028	
57	B1912640	Nguyễn Quốc Vinh	MT19X7A1	9	45	MT	Hết năm học 2027 - 2028	
58	B1804079	Võ Phạm Minh Hùng	NN1867A1	10	44	NN	Hết năm học 2027 - 2028	
59	B1804271	Phạm Lê Hoàng Thạnh	NN1867A2	10	44	NN	Hết năm học 2027 - 2028	
60	B1804102	Trần Hoàng Minh	NN1867A3	10	44	NN	Hết năm học 2027 - 2028	
61	B1804106	Nguyễn Thị Bảo Ngân	NN1867A3	10	44	NN	Hết năm học 2027 - 2028	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Năm đào tạo tối đa	Khóa học	Đơn vị	Thời gian dự kiến hết hạn học	Ghi chú
110	B1810800	Nguyễn Anh Khoa	XH18W7A1	10	44	XH	Hết năm học 2027 - 2028	Đi NVQS về
111	B1810809	Đỗ Nhật Minh	XH18W7A1	10	44	XH	Hết năm học 2027 - 2028	Đi NVQS về

Tổng số theo danh sách có **111** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Danh sách 06

**SINH VIÊN BỊ CẢNH BÁO HỌC TẬP
(Học Kỳ 2, Năm Học 2025 - 2026)**

Đính kèm theo công văn 187/CTSV, ngày 22 tháng 5 năm 2026

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tín chỉ	Điểm TB	Đơn vị	Lý do cảnh báo
1	B2200079	Trần Thị Yến Linh	NN2208A1	1	3.61	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
2	B2200111	Trương Minh Thuận	NN2208A1	9	2.58	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
3	B2200162	Võ Chí Khang	NN2208A2	2	2.89	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
4	B2200183	Trần Tấn Phát	NN2208A2	14	2.38	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
5	B2200301	Lê Nhật Anh	SP2210A1	13	2.91	SP	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
6	B2200537	Châu Thị Sô Đa	TS2213T2	5	2.78	TS	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
7	B2200549	Phạm A Kiệt	TS2213T1	10	1.95	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
8	B2200584	Lâm Thúy Vy	TS2213T1	2	2.41	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
9	B2200831	Thạch Hoàng Anh	KT2221A1	13	2.64	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
10	B2200894	Trịnh Hoài Vọng	KT2221A1	12	2.25	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
11	B2200924	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	KT2221F1	19	2.00	KT	Tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 TC
12	B2201002	Lâm Thị Kim Lài	KT2222A1	10	3.26	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
13	B2201028	Lê Quang Trung	KT2222A1	10	2.72	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
14	B2201295	Đình Trung Dũng	KT2223A2	7	2.04	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
15	B2201304	Châu Trần Quốc Huy	KT2223A2	14	2.06	KT	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
16	B2201320	Nguyễn Lê Khánh Ngân	KT2223A2	3	2.43	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
17	B2201335	Lý Thảo Sương	KT2223A2	10	2.34	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
18	B2201350	Nguyễn Lê Bảo Trúc	KT2223A2	15	2.38	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
19	B2201384	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	HG2223A1	6	2.50	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
20	B2201500	Trần Như Huỳnh	MT2225A2	7	3.31	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
21	B2201542	Nguyễn Thị Kim Thư	MT2225A2	9	2.46	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
22	B2201586	Châu Diễm My	LK2265A1	7	1.96	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
23	B2201628	Trần Thị Như Ý	LK2265A1	5	2.77	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
24	B2201949	Đặng Khánh Mì	KT2245A1	3	2.90	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
25	B2201973	Trần Văn Quý	KT2245A1	10	3.57	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
26	B2202022	Huỳnh Hoàng Huy	TN22S5A1	1	3.16	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
27	B2202277	Võ Đức Huy	DA2266A2	1	3.71	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
28	B2202534	Lê Quốc Hải	KH2269A1	15	2.04	KH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
29	B2202588	Nguyễn Thị Xuân Mai	KH2269A2	10	2.64	KH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tín chỉ	Điểm TB	Đơn vị	Lý do cảnh báo
157	B2400486	Thái Tân	DA2408F1	16	1.98	DA	Tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 TC
158	B2400688	Phạm Tiến Đạt	TS2413A2	12	2.36	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
159	B2400720	Hồ Thành Nguyên	TS2413A2	12	2.09	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
160	B2400723	Phan Thiệu Nhân	TS2413A2	11	2.07	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
161	B2400904	Nguyễn Văn Triển	TS2413A4	16	2.55	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
162	B2401088	Nguyễn Gia Huy	NN2419A1	10	2.09	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
163	B2401147	Nguyễn Nhật Trường Anh	NN2419A2	10	2.04	NN	Tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 TC
164	B2401265	Lâm Hòa Nhi	KT2420A3	10	1.80	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
165	B2401628	Thạch Minh Quốc Khánh	KT2422A2	11	2.34	KT	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
166	B2401949	Lê Vũ Xuân Quỳnh	KT2423A1	4	2.28	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
167	B2402017	Mai Minh Khánh	KT2423A2	13	2.56	KT	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
168	B2402053	Đặng Nguyễn Ngọc Thanh	KT2423A2	11	2.11	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
169	B2402062	Lê Phạm Minh Thư	KT2423A2	9	2.17	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
170	B2402272	Nguyễn Đức Mạnh	MT2425A1	12	2.43	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
171	B2402448	Võ Hoàng Vũ (Trần Thảo)	LK2463A1	2	2.83	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
172	B2402705	Nguyễn Thành Long	MT2438A1	12	2.29	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
173	B2402707	Mao Quỳnh Mai	MT2438A1	7	2.46	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
174	B2402729	Nguyễn Tiến Anh	MT2438A2	10	2.66	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
175	B2402735	Vy Hồ Phát Đạt	MT2438A2	4	2.54	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
176	B2403138	Lê Thiên Phú (Thiên Trùng)	HG2463A2	15	1.84	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
177	B2403140	Quách Thúy Quyền	HG2463A2	2	2.65	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
178	B2403273	Nguyễn Ngọc Phát	DA2466A2	7	2.34	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
179	B2403308	Diêu Lê Anh	DA2466A3	4	2.61	DA	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
180	B2403549	Trần Hữu Nhân	NN2467A1	13	2.20	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
181	B2403863	Lâm Thế Dương	NN24S4A1	8	1.92	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
182	B2404230	Nguyễn Lê Phương Thảo	TS2476A1	3	1.78	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
183	B2404350	Huỳnh Nhật Hòa	TS2482A1	14	2.01	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
184	B2404501	Lê Nguyễn Khánh Băng	TN2483A1	13	2.31	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
185	B2404520	Võ Hồng Hân	TN2483A1	12	3.29	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
186	B2404522	Lê Thị Thu Huyền	TN2483A2	13	2.97	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
187	B2404531	Nguyễn Ngọc Ngân	TN2483A2	13	2.40	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
188	B2404570	Trần Thị Huyền Trân	TN2483A1	13	2.90	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tín chỉ	Điểm TB	Đơn vị	Lý do cảnh báo
321	B2502295	Bùi Thanh Hòa	HG2523A1	13	2.71	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
322	B2502309	Bùi Phương Nhi	HG2523A1	13	2.17	KT	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
323	B2502466	Nguyễn Khánh An	MT2538A1	13	1.50	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
324	B2502489	Lê Khả Minh	MT2538A1	13	2.65	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
325	B2502710	Huỳnh Hạnh	TN2584A1	3	3.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
326	B2502820	Tăng Thị Phương Duy	MT2557A2	12	2.29	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
327	B2502836	Tạ Thái Gia Huy	MT2557A2	9	0.00	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
328	B2502839	Ngô Trần Khang Hy	MT2557A1	11	1.67	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
329	B2502855	Nguyễn Đại Nghĩa	MT2557A2	8	2.35	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
330	B2502861	Đào Thiện Nhân	MT2557A1	8	2.78	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
331	B2502883	Kim Thị Anh Thư	MT2557A2	13	2.50	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
332	B2503032	Phạm Chí Thân <i>Có Bức Tranh</i>	LK2563A2	13	1.83	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
333	B2503033	Nguyễn Gia Thịnh <i>Có Bức Tranh</i>	LK2563A2	11	2.70	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
334	B2503105	Lê Thảo Suong <i>Thần Tượng</i>	LK2563A3	15	2.25	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
335	B2503191	Nguyễn Quốc Khoa <i>Có Tranh</i>	HG2563A2	14	2.79	LK	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
336	B2503476	Lư Công Lập	DA2566T1	17	4.00	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
337	B2503477	Huỳnh Thị Mỹ Linh	DA2566T1	14	0.00	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
338	B2503486	Tạ Huỳnh Yến Ngọc	DA2566T1	17	3.50	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
339	B2503697	Võ Hồng Nhớ	NN2567A3	12	2.89	NN	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
340	B2503739	Tôn Thiết Hùng	NN2567F1	1	4.00	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
341	B2503982	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	NN2573A2	2	2.68	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
342	B2503984	Huỳnh Quốc Kiệt	NN2573A2	12	3.07	NN	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
343	B2504077	Neáng Canh Nha	NN2573A3	12	2.50	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
344	B2504128	Võ Thị Bích Liễu	TS2576A1	13	3.00	TS	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
345	B2504272	Huỳnh Nguyễn Việt Ngân	TS2582A1	13	1.88	TS	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
346	B2504660	Lương Kim Ngân	KT2590A2	15	1.88	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
347	B2504701	Nguyễn Nhật Trung Kiên	KH2594A1	15	2.90	KH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
348	B2504719	Phạm Thanh Thi	KH2594A1	12	2.43	KH	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
349	B2504873	Võ Ngọc Hân	DI2595F1	15	1.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
350	B2504887	Vũ Anh Nguyên	DI2595F1	16	3.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
351	B2504901	Nguyễn Hữu Trí	DI2595F1	3	0.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
352	B2504999	Phạm Hữu Dur	DI2596F1	13	1.20	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
353	B2505002	Nguyễn Hải Đăng	DI2596F1	13	1.50	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tín chỉ	Điểm TB	Đơn vị	Lý do cảnh báo
354	B2505022	Cao Minh Nhật	DI2596F1	12	0.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
355	B2505029	Nguyễn Thuận Thiên	DI2596F1	9	0.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
356	B2505038	Lê Thái An	DI2596F2	12	0.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
357	B2505040	Ninh Bình Mạnh Cường	DI2596F2	14	1.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
358	B2505052	Lư Minh Khương	DI2596F2	14	1.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
359	B2505059	Nguyễn Khải Nam	DI2596F2	12	0.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
360	B2505069	Lê Thái Sang	DI2596F2	12	0.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
361	B2505100	Lâm Gia Huy	TN25B1A1	13	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
362	B2505116	Hồng Trung Minh	TN25B1A1	12	1.61	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
363	B2505123	Bùi Anh Quân	TN25B1A1	10	1.67	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
364	B2505164	Nguyễn Quang Huy	TN25B1A2	11	3.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
365	B2505205	Nguyễn Thanh Vinh	TN25B1A2	15	3.00	TN	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
366	B2505238	Võ Nguyễn Như Ngọc	TN25B2A1	7	3.50	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
367	B2505289	Đình Gia Hạo	TN25B3A1	13	2.50	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
368	B2505416	Lê Văn Phi	DI25D1A1	14	3.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
369	B2505550	Tiết Anh Thư	DI25D2A1	15	3.00	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
370	B2505677	Ngô Tuấn Kiệt	MT25D4A1	7	3.00	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
371	B2506217	Trương Đăng Khoa	TS25F1A1	12	0.00	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
372	B2506426	Huỳnh Phúc Thịnh <i>Thần Hưng</i>	LK25L1A1	14	1.90	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
373	B2506427	Hồ Diễm Thu	LK25L1A1	12	2.42	LK	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
374	B2506436	Lê Tuyết Uyên	LK25L1A1	12	2.10	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
375	B2506565	Lê Phúc Đức	XH25N2A1	13	0.00	XH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
376	B2506645	Lê Phúc Tần	XH25N2A2	13	3.27	XH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
377	B2506694	Neàng Mây	HG25N2A1	18	2.33	XH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
378	B2506888	Huỳnh Tấn Trường	NN25S1A2	2	2.54	NN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
379	B2506918	Diệp Văn Chuyển	TS25S2A1	16	1.95	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
380	B2506956	Phạm Hải Đăng	TN25S3A1	13	3.30	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
381	B2506959	Trần Thế Em	TN25S3A2	14	1.78	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
382	B2507062	Lê Đình Khang	TN25S7A1	9	1.45	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
383	B2507070	Hồ Hữu Lợi	TN25S7A1	12	2.67	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
384	B2507088	Bùi Thị Tuyết Phượng	TN25S7A1	9	2.33	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
385	B2507106	Ngô Thế Vinh	TN25S7A1	11	1.40	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
386	B2507137	Nguyễn Huỳnh Nhật Minh	TN25S7A2	11	1.50	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tín chỉ	Điểm TB	Đơn vị	Lý do cảnh báo
387	B2507360	Nguyễn Thị Kim Phượng (Cổ Hào)	LK25S9A2	10	1.90	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
388	B2507397	Đặng Đạt	TN25T1A1	16	2.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
389	B2507445	Bùi Khang Thịnh	TN25T1A1	14	3.50	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
390	B2507449	Nguyễn Hoài Tiến	TN25T1A1	8	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
391	B2507596	Phạm Huỳnh Phú Lộc	TN25T4A1	8	2.08	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
392	B2507615	Nguyễn Phúc Thịnh	TN25T4A1	11	1.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
393	B2507654	Sơn Quốc Ngọc Hiếu	TN25T5A1	15	2.17	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
394	B2507796	Trần Hồng Phát	TN25T5F2	15	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
395	B2507920	Tô Hữu Thắng	TN25T6A2	10	2.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
396	B2507974	Nguyễn Đăng Khoa	TN25T7A4	10	2.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
397	B2507992	Nguyễn Hữu Nhân	TN25T7A1	2	2.40	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
398	B2507995	Nguyễn Lê Hoàng Nhựt	TN25T7A1	14	1.85	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
399	B2508002	Đào Duy Phương	TN25T7A1	15	2.30	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
400	B2508005	Trần Ngọc Quý	TN25T7A1	9	1.25	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
401	B2508006	Lê Thanh Sang	TN25T7A1	15	3.20	TN	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
402	B2508008	Huỳnh Tấn Tài	TN25T7A1	8	2.70	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
403	B2508031	Nguyễn Gia Vinh	TN25T7A1	8	2.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
404	B2508035	Nguyễn Vĩnh An	TN25T7A2	12	2.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
405	B2508052	Lê Hoàng Giang	TN25T7A2	10	1.40	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
406	B2508058	Nguyễn Tấn Hậu	TN25T7A4	8	2.71	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
407	B2508100	Phan Thịnh Phát	TN25T7A2	13	2.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
408	B2508105	Trần Kỳ Quan	TN25T7A2	13	2.89	TN	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
409	B2508130	Nguyễn Đoàn Anh Tuấn	TN25T7A2	2	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
410	B2508132	Nguyễn Quốc Việt	TN25T7A4	7	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
411	B2508138	Phạm Thế Anh	TN25T7A4	15	2.30	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
412	B2508144	Nguyễn Hoàng Duy	TN25T7A3	12	2.67	TN	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
413	B2508199	Lê Trần Phát	TN25T7A3	14	2.15	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
414	B2508215	Nguyễn Ngọc Thảo	TN25T7A4	13	2.50	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
415	B2508216	Phạm Hữu Thắng	TN25T7A3	13	1.40	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
416	B2508237	Nguyễn Quốc An	TN25T7F1	14	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
417	B2508240	Hà Đức Bảo	TN25T7F1	14	1.50	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
418	B2508257	Trần Hà Gia Huy	TN25T7F1	16	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
419	B2508265	Đặng Minh Khoa	TN25T7F1	12	0.00	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tín chỉ	Điểm TB	Đơn vị	Lý do cảnh báo
453	B2510175	Lê Trần Lan Phương	KT25W1A2	13	2.25	KT	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
454	B2510367	Đường Khả Hân	KT25W3A1	17	3.12	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
455	B2510523	Võ Cát Vàng	KT25W4A2	17	0.00	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
456	B2510559	Đinh Bảo Nghi	KT25W4A2	17	0.00	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
457	B2510582	Lê Văn Nhật Tinh	KT25W4A3	17	2.19	KT	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
458	B2510688	Nguyễn Việt Hà	XH25W7A1	16	3.19	XH	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
459	B2510744	Phạm Ngọc Giang	XH25W7A2	16	0.00	XH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
460	B2511271	Phan Tấn Tài	MT25X7A1	11	1.69	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
461	B2511324	Nguyễn Minh Lộc	MT25X7A2	18	1.34	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
462	B2511351	Bùi Thị Cẩm Tiên	MT25X7A2	6	1.95	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
463	B2511539	Lý Văn Tuấn Hưng	TN25Y8A1	1	1.60	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
464	B2511783	Trần Thị Mai Anh	FL25Z9A2	13	3.60	FL	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
465	B2511801	Lê Kim Phương Ngân	FL25Z9A2	4	3.00	FL	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
466	B2511850	Nguyễn Ngọc Trọng	SP2516A1	2	2.30	SP	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
467	C2200148	Nguyễn Ngọc	SP2201A1	9	2.52	SP	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
468	C2300009	Nguyễn Phi Thường	DI23Z6A1	9	3.11	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
469	C2300010	Trần Khả Ái	FL23V1L1	8	3.18	FL	Số TC không đạt/Tổng TC đăng ký > 50%
470	C2300174	Nguyễn Hữu Thoại	KT2321A1	4	2.29	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
471	C2300200	Nguyễn A Ly Khang	TN23T7A1	5	2.19	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1
472	S2300015	Trịnh Thị Mỹ Linh	KT23W4A1	7	3.30	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1

* Tổng số theo danh sách có 472 sinh viên

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Danh sách 7**SINH VIÊN THUỘC DIỆN BỊ BUỘC THÔI HỌC****(Học kỳ 1, Năm Học 2025 - 2026 và Học kỳ 2, Năm học 2025 - 2026)**

Đính kèm theo công văn 187/CTSV, ngày 22 tháng 5 năm 2026

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ		Điểm TB		Tên lớp	Đơn vị	Lý do bị cảnh báo
			251	252	251	252			
1	B2202361	Trần Thị Phương Thùy	12	2	0.71	0.00	DA2266T2	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
2	B2400465	Lưu Phúc Kha	10	9	0.55	0.29	DA2408F1	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
3	B2403460	Trương Quỳnh Anh	15	17	0.00	0.22	DA2466T2	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
4	B2500139	Nguyễn Như Hào	13	12	0.00	0.00	DA2508A1	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
5	B2500261	Huỳnh Quốc Thanh	13	12	0.31	0.00	DA2508A2	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
6	B2500304	Lê Minh Huân	13	12	0.00	0.00	DA2508A3	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
7	B2500411	Huỳnh Văn Toàn	15	12	0.00	0.00	DA2508F1	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
8	B2500438	Nguyễn Anh Kiệt	15	12	0.00	0.00	DA2508F2	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
9	B2500446	Lê Trần Hữu Nghĩa	15	12	0.00	0.00	DA2508F2	DA	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
10	B2203547	Phạm Trí Dũng	16	15	0.66	0.70	DI2296F1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
11	B2203605	Võ Thái Hào	9	9	0.00	0.00	DI22D1A1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
12	B2205906	Nguyễn Chí Thanh	17	18	0.35	0.22	DI22V7A1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
13	B2306567	Lý Thị Tú Như	11	11	0.30	0.82	DI23V7A1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
14	B2404865	Nguyễn Văn Hoàng Lâm	1	2	0.00	0.00	DI2495A1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
15	B2404915	Nguyễn Xuân Phát	8	7	0.00	0.50	DI2495A2	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
16	B2404949	Trần Vĩnh Khang	11	14	0.55	0.86	DI2495F1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
17	B2405105	Nguyễn Tùng Phúc An	12	9	0.54	0.00	DI2496F2	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
18	B2405525	Võ Thanh Thái	15	17	0.64	0.31	DI24D2A1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
19	B2407518	Trần Tiểu Băng	11	12	0.80	0.00	DI24T9A1	DI	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ		Điểm TB		Tên lớp	Đơn vị	Lý do bị cảnh báo
			251	252	251	252			
42	B2401542	Trần Thị Ngọc Trâm	13	11	0.69	0.00	KT2421F1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
43	B2404701	Dương Kiều Tâm Như	11	10	0.45	0.00	KT2490A1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
44	B2408575	Võ Trần Thanh Hào	7	9	0.00	0.00	KT24V5A2	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
45	B2409371	Ngô Phúc Ký	2	3	0.00	0.00	KT24W2A2	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
46	B2501912	Lê Minh Hiếu	13	17	0.00	0.00	KT2523A1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
47	B2501951	Chau Nam	13	17	0.00	0.00	KT2523A1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
48	B2501977	Nguyễn Thị Tố Như	13	17	0.00	0.00	KT2523A1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
49	B2501879	Khuru Khả Bình	13	17	0.00	0.00	KT2523A3	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
50	B2504635	Cao Nguyễn Ngọc Trâm	14	15	0.00	0.87	KT2590A1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
51	B2506281	Trương Thị Cẩm Ly	13	12	0.00	0.00	KT25K1A1	KT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
52	B2403130	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	10	9	0.70	0.56	HG2463A2	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
53	B2304857	Nguyễn Ngọc Anh Thư	13	14	0.35	0.71	LK23S9A1	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
54	B2402505	Huỳnh Nhật Tân	13	9	0.00	0.00	LK2463A2	LK	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
55	B2302066	Nguyễn Bình Nguyên	4	4	0.00	0.00	MT2338A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
56	B2302408	Nguyễn Thanh Sang	4	8	0.00	0.00	MT2357A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
57	B2402292	Nguyễn Võ Thanh Quân	6	15	0.67	0.00	MT2425A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
58	B2402330	Võ Huỳnh Quốc Hùng	10	16	0.90	0.33	MT2425A2	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
59	B2402334	Huỳnh Quốc Lâm	10	14	0.30	0.36	MT2425A2	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
60	B2403050	Võ Lực Trí	2	9	0.00	0.00	MT2457A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
61	B2405657	Mai Minh Duy	9	9	0.67	0.00	MT24D4A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
62	B2405658	Võ Thành Đạt	8	8	0.63	0.25	MT24D4A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
63	B2406505	Huỳnh Thanh Tuyền	12	8	0.50	0.63	MT24S8A1	MT	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ		Điểm TB		Tên lớp	Đơn vị	Lý do bị cảnh báo
			251	252	251	252			
86	B2407314	Nguyễn Phạm Duy Khang	11	13	0.00	0.25	TN24T7A3	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
87	B2407482	Phạm Trung Kiên	9	10	0.50	0.60	TN24T8A1	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
88	B2408660	Nguyễn Nhật Trường	15	14	0.87	0.43	TN24V6A1	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
89	B2408753	Tô Diễm Quỳnh	10	11	0.40	0.55	TN24V6F1	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
90	B2410539	Nguyễn Duy	12	10	0.54	0.00	TN24Y8A1	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
91	B2410616	Nguyễn Ngọc Hân	5	3	0.00	0.00	TN24Y8F1	TN	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
92	B2200453	Trần Võ Minh Nhựt	5	9	0.80	0.22	TS2213A3	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
93	B2300718	Nguyễn Ngọc Như Ý	10	13	0.00	0.23	TS2313A1	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
94	B2300694	Ngô Trọng Phúc	13	3	0.46	0.00	TS2313T1	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
95	B2400737	Lê Phát Thịnh	14	7	0.46	0.00	TS2413A2	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
96	B2400746	Cao Hồ Dũng Trí	8	6	0.50	0.68	TS2413A2	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
97	B2400867	Nguyễn Võ Tuấn Kiệt	2	7	0.00	0.00	TS2413A4	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
98	B2400916	Nguyễn Hồ Bảo	9	9	0.44	0.00	TS2413A4	TS	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)
99	B2506674	Võ Diễm Hân	13	18	0.00	0.00	HG25N2A1	XH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 0.8 (20261)
100	B2402147	Lê Minh Lộc	1	13	0.00	0.00	ML24U3A1	XH	Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20262), Có ĐTBCHK đạt dưới 1 (20261)

* Tổng số theo danh sách có 100 sinh viên

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN